

**QUYẾT TOÁN THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU (TIỀN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ BÁN TRÚ)  
THÁNG 01 NĂM 2026**

Đơn vị: đồng

| STT | Các khoản thu                                                     | Số tiền            | Sử dụng nguồn thu                                                                                                                          | Số tiền            |
|-----|-------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     | <b>Số kỳ trước chuyển sang:</b>                                   | <b>10.212.000</b>  |                                                                                                                                            |                    |
| 1   | Tiền suất ăn bán trú tháng 01/2026                                | 60.627.000         | Tiền thực phẩm tháng 01/2026 ( tiền mua thực phẩm: gạo, bún, bánh canh, rau củ quả, trứng thịt, tôm, cá, gia vị,... )                      | 59.612.170         |
| 2   | Tiền suất ăn sáng tháng 01/2026                                   | 14.224.000         | UNC tiền bánh plan, sữa chua tháng 01/2026 - Ánh Hồng                                                                                      | 1.888.000          |
| 3   | Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú tháng 01/2026 | 21.260.000         | UNC tiền bánh plan, sữa chua tháng 01/2026 - Tài Tài                                                                                       | 2.951.830          |
| 4   | Dịch vụ phục vụ ăn sáng tháng 01/2026                             | 17.490.000         | Tiền sữa Nuvi Grow school tháng 01/2026                                                                                                    | 10.140.000         |
| 5   | Tiền nước uống của trẻ tháng 01/2026                              | 1.070.000          | Tiền VSP tháng 01/2026 ( mua nước rửa chén, nước lau sàn, tẩy vệ sinh, khăn giấy, xịt côn trùng, nước rửa tay, xà bông, nước xả khăn,... ) | 3.820.344          |
| 6   |                                                                   |                    | Tiền gas tháng 01/2026 ( dùng cho công việc nấu thức ăn cho trẻ , nấu nước sôi trùng đồ dụng vật dụng bán trú cho trẻ )                    | 3.420.900          |
| 7   |                                                                   |                    | Tiền nước uống của trẻ tháng 01/2026                                                                                                       | 1.070.000          |
| 8   |                                                                   |                    | Tiền hỗ trợ phục vụ bán trú, phục vụ ăn sáng tháng 01/2026 ( chỉ cho CB-GV-NV )                                                            | 30.534.000         |
|     | <b>Tổng cộng số thu:</b>                                          | <b>114.671.000</b> | <b>Tổng cộng số sử dụng:</b>                                                                                                               | <b>113.437.244</b> |
|     | <b>Số cuối kỳ:</b>                                                | <b>11.445.756</b>  |                                                                                                                                            |                    |

**Diễn giải số cuối kỳ:** 11.445.756 đồng. Trong đó:

**Tồn tiền VSP :** 199.756 đồng

**Tồn tiền thuế 2% TNDN:** 775.000 đồng

**Tiền ăn của trẻ nghỉ trong tháng sẽ khấu trừ vào tháng tiếp theo:** 10.471.000 đồng

Kế toán bán trú

  
Ngô Hà Tú Anh

Dầu Tiếng, ngày 11 tháng 02 năm 2026

  
Trưởng đơn vị  
Lê Thị Oanh